TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 6 – 2021
"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Thành Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Anh

2. Bà Đoàn Thị Kim Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Võ Huỳnh Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thị Bé Th, sinh năm: 1999 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Anh Danh T, sinh năm: 2001 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Bé Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh T có tổ chức đám cưới và sống chung với nhau vào năm 2019 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc nhưng về sau thì cuộc sống hôn nhân của anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, anh chị đã ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay. Nay chị Th yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Th và anh T có một con chung là cháu Thị Ngọc T (nữ), sinh ngày 06/4/2020, cháu hiện đang sống chung với chị Th. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi, chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Danh T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thị Bé Th và anh Danh T. Về con chung: Giao cháu Thị Ngọc T (nữ), sinh ngày 06/4/2020 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn, yêu cầu nuôi con chung. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung". Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự theo quy định pháp luật.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Th và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng lý kết hôn. Anh chị chung sống với nhau

được một thời gian, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chị không thể hàn gắn được. Điều đó chứng minh rằng đời sống chung của anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên không thể tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng. Nhận thấy chị Th và anh T tuy không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng anh chị đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019. Nay chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thị Bé Th với anh Danh T.

[2.2]. Về con chung: Tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 quy định "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Hơn nữa, trong thời gian anh chị ly thân chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống của cháu nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu T cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Th chưa yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Th xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị Th xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[3] .Về án phí hôn nhân và gia đình: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Từ những nhận định trên có cơ sở chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị Bé Th đối với anh Danh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thị Bé Th với anh Danh T.

2. Về con chung: Chị Thị Bé Th được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thị Ngọc T (nữ), sinh ngày 06/4/2020. Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Th chưa yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Thị Bé Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Thị Bé Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thị Bé Th phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu số 0006707 ngày 04/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày án được niêm yết, tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- UBND xã Lương Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lữ Thành Đồng